

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1- ĐỒNG THÁP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **56/2026/HS-ST**

-Ngày: 25/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

2. Ông **Đoàn Thanh Phong**

* *Thư ký phiên tòa:* ông **Nguyễn Sỹ Đăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thảo Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **PHẠM TẤN T**, sinh ngày **29/9/1987**, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long). Tên gọi khác: Không. Số căn cước công dân: 083087009942 do **Bộ C** cấp ngày 25 tháng 02 năm 2025. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: **Số E, khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 01/12. Con ông **Phạm Tấn L** và bà **Trần Thị H**. Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình, có 03 người em ruột. Vợ: **Đoàn Thanh T1**. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền sự: 01 lần. Ngày 22/4/2024, **Phạm Tấn T** bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng tại Quyết định số 74; đã thi hành xong vào ngày 07/02/2025. Tiền án: Không. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù theo Bản án số 51/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp tại Phân trại tạm giam Mỹ Tho thuộc Trại tạm giam số 2, **Công an tỉnh Đ**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **NGUYỄN THANH N**, sinh ngày: **10/12/1983** tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp). Số căn cước công dân: 082083006648 do **Bộ C** cấp ngày

11 tháng 02 năm 2025. Nơi đăng ký thường trú: **Ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp**. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Thợ xây dựng. Trình độ học vấn: 01/12. Con ông **Nguyễn Hồng Q** (Đã chết) và bà **Nguyễn Thị S** (Đã chết). Bị cáo có 04 người anh, em ruột; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Vợ **Lưu Việt H1** (đã ly hôn). Bị cáo có 01 người con sinh năm 2004. Tiền án: 01 lần. Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2015/HSST ngày 09/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Tây Ninh), **Nguyễn Thanh N** bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và phải bồi thường số tiền 7.750.000 đồng và phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 387.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HS-ST ngày 07/01/2016 của Tòa **án nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp), **Nguyễn Thanh N** bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2015/HSST, **N** phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 06 tháng tù; liên đới bồi thường số tiền 6.800.000 đồng và 340.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 06/6/2017 tại **Trại giam T3, Cục C1, Bộ C**; đã thi hành xong phần án phí theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HS-ST. Theo Văn bản số 1054/CV-CCTHA ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Tây Ninh) và Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 406/GCN ngày 06/6/2017 của **Trại giam T3**, bị cáo **Nguyễn Thanh N** chưa thi hành phần án phí theo Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2015/HSST và chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ở cả hai bản án hình sự sơ thẩm nêu trên. Do đó, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo chưa được xóa án tích. Tiền sự: 01 lần. Ngày 19/5/2025, **Nguyễn Thanh N** bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 110/2025/QĐ-TA. Bị cáo đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: **Phạm Thị Lệ H2**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: **số A Khu phố L, Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp**

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. **Lê Minh T2**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: **ấp Thạnh Thới, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp**

2. **Nguyễn Thị Lành E**, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: **số B ấp C, Phường T, tỉnh Đồng Tháp**

Nơi ở hiện tại: 81/1 **Tổ F, ấp D, Phường T, tỉnh Đồng Tháp**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo lời khai của bị cáo **Phạm Tấn T**: vào khoảng 01 giờ ngày 30 tháng 3 năm 2025, **T** được **Nguyễn Thanh N** điều khiển xe mô tô biển số 63B5-064.16 chở đến khu phố L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp. Khi đến hẻm dẫn vào căn nhà số A, khu phố L, **T** phát hiện có vườn bưởi nên đề nghị vào hái bưởi, **N** dừng xe chờ ở đầu hẻm.

Trong quá trình đi vào bên trong, **T** phát hiện xe mô tô nhãn hiệu “Honda”, loại “Wave Alpha”, màu vàng – đen – bạc, biển số 63B4-374.88 của chị **Phạm Thị Lệ H2** đang dựng trước hành lang nhà, không có hàng rào, không người trông coi và không khóa cổ xe, nên **T** nảy sinh ý định trộm cắp. **T** lén lút dẫn bộ xe ra đầu hẻm. Theo lời khai của **T**, **N** đã dùng tay bứt dây điện nguồn để khởi động xe. Sau đó, **T** điều khiển xe mô tô vừa trộm được, còn **N** điều khiển xe mô tô biển số 63B5-064.16 cùng về nhà **N** tại **Ấp D, phường T, tỉnh Đồng Tháp**.

Tuy nhiên, theo lời khai của bị cáo **Nguyễn Thanh N**, **N** không thừa nhận việc cùng **T** thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nêu trên. **N** khai rằng vào khoảng 03 giờ ngày 30/3/2025, **N** gặp **T** ở ngoài đường, lúc này **T** đang điều khiển xe mô tô biển số 63B4-374.88, sau đó cả hai cùng đi về nhà của **N**. Tại đây, **T** nói cho **N** biết xe mô tô 63B4-374.88 là do **T** vừa trộm cắp được và nhờ **N** tìm người mua xe để tiêu thụ. Mặc dù biết rõ xe mô tô 63B4-374.88 là tài sản do phạm tội mà có nhưng do không có tiền tiêu xài, **N** vẫn đồng ý giúp **T** tìm nơi tiêu thụ để hưởng lợi. Nhân đã liên hệ với người tên thường gọi là “H3” (không rõ nhân thân, lai lịch) và hẹn gặp tại quán nước **T**, tọa lạc tại **ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh**.

Rạng sáng cùng ngày, **T** điều khiển xe mô tô biển số 63B4-374.88, **N** điều khiển xe mô tô biển số 63B5-064.16 đến địa điểm hẹn và bán xe mô tô trộm cắp được cho 02 nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) tại khu vực ven đường, cách **quán N1** khoảng 100 mét với giá 3.000.000 đồng. Số tiền bán xe được chia đều, mỗi người 1.500.000 đồng và các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá số 8800/KL-HĐĐGTS ngày 15/06/2025 của Hội đồng định giá trị tài sản **thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp)**: 01 xe mô tô nhãn hiệu “Honda”, loại “Wave anpha”, màu vàng-đen-bạc, biển số 63B4 – 374.88 trị giá 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo **Nguyễn Thanh N** không thừa nhận cùng **Phạm Tấn T** thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất giữa các bị cáo nhưng **N** vẫn giữ nguyên lời khai, chỉ thừa nhận biết rõ xe mô tô biển số 63B4-374.88 là tài sản do **Phạm Tấn T** trộm cắp mà có và do không có tiền tiêu xài nên đã cùng **T** mang xe đi tiêu thụ để hưởng lợi từ việc bán xe. Ngoài lời khai của bị cáo **T**, không có tài liệu, chứng cứ nào khác trong hồ sơ vụ án chứng minh bị cáo **N** có sự bàn bạc, thống nhất ý chí từ trước hoặc trực tiếp tham gia vào quá trình chiếm đoạt xe mô tô. Do đó, không đủ căn cứ để quy kết **Nguyễn Thanh N** về vai trò đồng phạm của tội “Trộm cắp tài sản”, mà đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo **Phạm Tấn T** về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo **Nguyễn Thanh N** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1– Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Tấn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Phạm Tấn T** mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của Bản án số 51/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp

Buộc bị cáo **Phạm Tấn T** phải chấp hành hình phạt tổng cộng của 02 bản án.

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh N** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N** mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại **Phạm Thị Lệ H2** yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 8.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu “YAMAHA”, số loại “NOUVO”, số máy: 5P11437780, số khung: 110BY437772, biển số 63B5 – 064.16.

Về án phí: Bị cáo có tội và bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thống nhất với Cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt, xử lý vật chứng. Bị cáo có lời nói sau cùng, bị cáo biết mình có hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về với gia đình và trở thành người có ích cho xã hội để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T (nay là tỉnh Đồng Tháp), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Lê Minh T2 vắng mặt không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa. Nhận thấy, việc vắng mặt bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo, bị cáo đồng ý tiếp tục xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục phiên tòa xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Vào rạng sáng ngày 30/3/2025, tại nhà của chị Phạm Thị Lệ H2, bị cáo Phạm Tấn T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị H2 là 01 xe mô tô nhãn hiệu “Honda”, loại “Wave Alpha”, màu vàng-đen-bạc, biển số 63B4-374.88. Bị cáo Nguyễn Thanh N biết rõ xe mô tô biển số 63B4-374.88 là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có, nhưng vì mục đích vụ lợi đã cùng T mang xe đi tiêu thụ, bán cho người khác lấy tiền chia nhau sử dụng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Hành vi của bị cáo Phạm Tấn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh N đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây bất bình, không an tâm lao động, sản xuất trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo lúc phạm tội là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do trộm được mà có là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã từng bị xử phạt hình phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản lẽ ra các bị cáo phải biết hối cải, sửa chữa sai lầm để lao động tạo ra tài sản nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Bị cáo **T** lợi dụng lúc đêm khuya, tài sản không người trông coi nên đã lén lút trộm cắp tài sản của chị **H2** là xe mô tô nhãn hiệu “Honda”, loại “Wave Alpha”, màu vàng-đen-bạc, biển số 63B4-374.88 mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo **Nguyễn Thanh N** biết rõ xe mô tô biển số 63B4-374.88 là tài sản do bị cáo **T** trộm cắp mà có, nhưng vì mục đích vụ lợi đã cùng **T** mang xe đi tiêu thụ, bán cho người khác lấy số tiền 3.000.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho mọi người.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Phạm Tấn T** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Đối với bị cáo **Nguyễn Thanh N**: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo chưa được xóa án tích đối với lần bị kết án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2015/HSST ngày 09/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Tây Ninh) nhưng vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo **Phạm Tấn T** và **Nguyễn Thanh N** có nhân thân rất xấu, có tiền án, tiền sự như nêu trên và các bị cáo từng có nhiều tiền án, tiền sự, cụ thể:

+ Bị cáo **Phạm Tấn T**:

- Ngày 30/7/2007, **Phạm Tấn T** bị Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh V) ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 02 năm theo Quyết định số 1220/QĐ-UBND.

- Ngày 04/5/2012, **Phạm Tấn T** bị Ủy ban nhân dân tỉnh B ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 02 năm, theo Quyết định số 793/QĐ-UBND.

- Ngày 17/9/2025, **Phạm Tấn T** bị Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, theo Bản án số 51/2025/HS-ST.

+ Bị cáo **Nguyễn Thanh N**:

- Ngày 03/8/2005, **Nguyễn Thanh N** bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) xử phạt 13 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2005/HS-ST.

Ngày 20/10/2005, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với **Nguyễn Thanh N** theo Bản án hình sự phúc thẩm số 1761/2005/HS-PT.

- Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp), **Nguyễn Thanh N** bị xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, **Nguyễn Thanh N** bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm 06 tháng tù; đã được xóa án tích.

[7] Đồng phạm và các vấn đề khác: Vụ án này không có đồng phạm.

Đối với người tên thường gọi là “**H3**” và hai nam thanh niên đã mua xe mô tô biển số 63B4 – 374.88, do không xác định được họ tên, nhân thân và địa chỉ cụ thể; ngoài lời khai của hai bị cáo thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để làm việc, xử lý; khi xác minh làm rõ sẽ xem xét xử lý sau theo quy định pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 8.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu “YAMAHA”, số loại “NOUVO”, số máy: 5P11437780, số khung: 110BY437772, biển số 63B5 – 064.16. Qua tra cứu xác định xe mô tô trên do ông **Lê Minh T2** đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông **T2** trình bày đã bán xe cho người khác (không nhớ họ tên, địa chỉ), không làm thủ tục sang tên. Qua điều tra, xe mô tô này do bà **Nguyễn Thị Lành E** (chị ruột bị cáo **N**) cho tiền bị cáo **N** để mua xe mô tô trên làm phương tiện đi lại (lúc mua xe không làm thủ tục chuyển tên do xe không giấy tờ). Vào ngày 30/3/2025, bị cáo **N** sử dụng xe này làm phương tiện đi liên hệ bán tài sản mà bị cáo **T** trộm cắp được do đó, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[10] Xét ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về tội danh, mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi nghị án.

+ Về xử lý vật chứng Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo có tội và phải bồi thường thiệt hại về dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo **Phạm Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;**

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ khoản 17 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự.

***Xử phạt bị cáo **Phạm Tấn T** 01 (Một) năm tù về tội trộm cắp tài sản.**

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù theo Bản án số 51/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp

Buộc bị cáo **Phạm Tấn T** phải chấp hành hình phạt tổng cộng 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ khoản 17 Điều 2, khoản 8 Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N** 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

2/ Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu “YAMAHA”, số loại “NOUVO”, số máy: 5P11437780, số khung: 110BY437772, biển số 63B5 – 064.16 (Tình trạng khi tiếp nhận xe không nổ máy, không kiểm tra nội dung bên trong).

3/ Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584, Điều 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Bị cáo **Phạm Tấn T** và bị cáo **Nguyễn Thanh N** có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại **Phạm Thị Lệ H2** với số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự

Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Phạm Tấn T**, **Nguyễn Thanh N** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Phạm Tấn T**, **Nguyễn Thanh N** có nghĩa vụ liên đới nộp 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Tháp;
- THADS khu vực 1 - Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo, bị hại...;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Phạm Văn Tài